TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **153**/2023/DS – ST
Ngày: 06/6/2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Đức Quang

Ông Nguyễn Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thưký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh* tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Tuyết Vân – Kiểm sát viên.

Ngày trong các ngày 31 tháng 5 năm 2023 và ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-DS ngày 11/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Vũ Thanh C**, sinh năm 1973
Địa chỉ: 179/5C ấp A, xã A1, huyện A2, Thành phố M(có mặt)

Bị đơn : - Ông **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1961
- Bà **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1965
Cùng địa chỉ thường trú : 66 B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh
Cùng địa chỉ liên lạc: 751/40H D, Phường D1, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông C, bà H có mặt tại phiên tòa; vắng mặt khi tuyên án)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :
Bà **Lê Thị Thu C1** – sinh năm 1971 (xin vắng mặt)
Địa chỉ : 179/5C ấp A, xã A1, huyện A2, Thành phố M
Người đại diện theo ủy quyền : Ông **Lê Vũ Thanh C**, sinh năm 1973

Địa chỉ : 179/5C ấp A, xã A1, huyện A2, Thành phố M (Theo giấy ủy quyền ngày 27/11/2020 tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như H1) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2020, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Vũ Thanh C trình bày*:

Ông và vợ chồng bà Trần Thị Kim H, ông Nguyễn Ngọc C (Sau đây gọi là ông C2) có quen biết với nhau. Do có khó khăn về kinh tế, cần tiền xoay sở nên ngày 20/9/2019 vợ chồng ông C, bà H có liên hệ vay mượn của ông số tiền 740.000.000 đồng (bảy trăm bốn mươi triệu đồng), mục đích là sửa chữa nhà số 66 B, Phường B1, Quận B2. Việc vay mượn tiền thể hiện bằng "Giấy mượn tiền" , theo đó vợ chồng ông bà C2 cam kết sẽ trả số tiền vay 740.000.000 đồng và lãi 10.000.000 đồng (tổng cộng là 750.000.000 đồng) cho ông trong vòng 60 ngày.

Tuy nhiên đã quá thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông bà C2 vẫn chưa trả cho ông bất kỳ khoản gốc, lãi nào. Mặc dù ông đã nhiều lần liên hệ nhưng vợ chồng ông C, bà H viện lý do chưa có tiền nên không trả nợ được. Nay ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C bà H phải trả cho ông bà khoản nợ gốc là 740.000.000 đồng (bảy trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/11/2019 theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 3 Điều 468 là 0,83%/tháng cho tới ngày ông C, bà H thanh toán xong các khoản nợ này.

***** *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc C và bà Trần Thị Kim H thống nhất trình bày :*

Ông Nguyễn Ngọc C có vay của ông Lê Vũ Thanh C số tiền 100.000.000 đồng vào năm 2016 và kể từ đó ông C2 đã phải đóng lãi rất nhiều, mỗi ngày 2.000.000 đồng, có khi lên 5.000.000 đồng thậm chí lên tới 10.000.000 đồng /ngày . Số tiền lãi đã đóng cho ông C là hơn 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) và cho tới năm 2019 khi không có khả năng đóng lãi nữa thì ông Thanh C ép vợ chồng ông bà ký Giấy mượn tiền vào ngày 20/9/2019, cộng dồn cả lãi và gốc thành số tiền 750.000.000 đồng.Vì bị ép buộc do ông Thanh C dùng đũa nhọn dí vào cổ ông C2 nên vợ chồng ông bà buộc phải ký chứ thực tế không có việc ông bà có nhận được số tiền 740.000.000 đồng.

Do vậy, ông C bà H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Thu C1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Vũ Thanh C: Bà C1 thống nhất với lời trình bày của ông C và đề nghị Tòa án buộc bị đơn là ông C, bà H phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông Lê Vũ Thanh C.

** Tại phiên tòa:*

- *Nguyên đơn là ông Lê Vũ Thanh C*:

Về việc giao tiền cho bị đơn, ông khẳng định đã giao tiền cho vợ chồng ông C, bà H ngay sau khi ký giấy mượn tiền ngày 20/9/2019; giao tiền một lần và tại địa chỉ nhà ông C, bà H đang ở lúc đó là số 66 B, Phường B1, Quận B2, Thành phố M. Việc giao tiền không có ai chứng kiến và do sơ sót nên ông mới không yêu cầu ông C, bà H phải ký xác nhận thêm về việc đã nhận đủ tiền; Tuy nhiên theo ông thì việc ông C, bà H thừa nhận đã ký Giấy mượn tiền ngày 20/9/2019 là đã đủ căn cứ chứng minh.

Ông xác nhận trong quá trình giải quyết vụ án thì ông C, bà H có trả cho ông thêm được 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), nên ông sẽ cấn trừ số tiền 30.000.000 đồng này vào số tiền nợ gốc, số nợ gốc còn lại là 710.000.000 đồng.

Do vậy, tại phiên tòa ông Lê Vũ Thanh C đề nghị vợ chồng ông C, bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền là:

Nợ gốc: 710.000.000 đồng, nợ lãi kể từ ngày 20/11/2019 tới ngày 31/5/2023 là 255.600.000 đồng; Tổng cộng số tiền là 965.600.000 đồng.

- *Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc C và bà Trần Thị Kim H thống nhất trình bày*: Trước đây, ông Ngọc C không nhớ rõ ngày tháng nhưng khoảng năm 2016 ông có vay số tiền 100.000.000 đồng của ông Thanh C, không làm giấy tờ gì cả. Sau đó suốt một quá trình dài ông và vợ đã phải trả lãi cho ông Thanh C rất nhiều lần và trả số tiền rất lớn. Thậm chí hiện nay ông đã phải bán nhà đi trả nợ. Mỗi lần trả nợ thì ông Thanh C có người tới lấy hoặc có khi nhận trực tiếp nhưng đều không làm giấy tờ gì. Việc ký Giấy nợ ngày 20/9/2019 do vợ chồng ông bị ép buộc phải ký do ông Thanh C là người cho vay lãi chuyên nghiệp nên thái độ đe dọa của ông Thanh C làm ông bà rất sợ hãi; Giấy nợ này ông C kêu vợ chồng ông tới quán nhậu trên đường E, quận E1 rồi bắt ký, nhưng hiện nay quán này đã đóng cửa nên ông không có người làm chứng việc này.

Hơn nữa, vợ chồng ông bán nhà 66 B từ tháng 12/2018 mà Giấy mượn tiền là ngày 20/9/2019, như vậy tại thời điểm ký giấy mượn tiền thì nhà ông bà đã bán thì làm sao ông Thanh C giao tiền tại đây được.

Tại phiên tòa, vợ chồng ông C, bà H đề nghị trả cho ông C số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là khoản vốn gốc năm xưa, không có giấy tờ gì nhưng ông bà tự nhận trách nhiệm. Còn các khoản khác ông bà không đồng ý vì đã phải trả lãi cho ông Thanh C rất nhiều rồi.

Đối với số tiền 250.000.000 đồng mà vợ chồng ông C, bà H nộp cho tòa ghi người nhận là ông Lê Vũ Thanh C ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì để xem xét giải quyết số tiền này.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng trả cho ông Thanh C trong quá trình giải quyết vụ án thì ông bà cũng không có ý kiến và không có đề nghị cấn trừ. Ông bà phải trả số tiền này vì ông C hay đến la lối, đập cửa phòng trọ làm ông bà phải chuyển chỗ trọ nhiều lần nên ông trả để ông Thanh C đừng đến nữa, coi như là trả tiền lãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B2 phát biểu*:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa , Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm về thời gian, đề nghị rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền trong Giấy mượn nợ ngày 20/9/2019 là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ nguyên đơn không chứng minh được có việc giao tiền cho bị đơn. Căn cứ vào Hợp đồng mua bán nhà ngày 18/12/2018 và nội dung xác nhận của Công an Phường B1, Quận B2 thể hiện bị đơn đã bán nhà từ năm 2018 nên việc ký giấy mượn tiền và giao tiền vào năm 2019 tại căn nhà 66 B theo lời trình bày của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Do bị đơn tự nguyện trả cho bị đơn số tiền 100.000.000 đồng nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Ngọc C và bà Trần Thị Kim H phải trả cho nguyên đơn số tiền là 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Xét nội dung đơn khởi kiện của ông Lê Vũ Thanh C, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tại thời điểm thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy :

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc, lãi theo Giấy mượn tiền ngày 20/9/2019 ; còn bị đơn không đồng ý trả vì lý do bị ép buộc ký giấy chứ thực tế không nhận tiền và không có việc giao tiền nên không đồng ý trả.

Theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 20/9/2019 do ông Nguyễn Ngọc C và bà Trần Thị Kim H viết có nội dung : '*Tôi tên Trần Thị Kim H và chồng tôi là Nguyễn Ngọc C có mượn của ông Lê Vũ Thanh C số tiền là 740.000.000 đồng (bảy trăm bốn mươi triệu đồng). Trong vòng 60 ngày tôi sẽ gởi ông Thanh C 10.000.000 (Mười triệu đồng tiền lời), tổng cộng 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng). Vợ chồng tôi đồng ký tên, nếu có gì sai trái tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.''*

Bị đơn thừa nhận chữ ký của mình trong Giấy mượn tiền và không đưa ra được chứng cứ cụ thể nào để chứng minh cho việc mình bị ép buộc nên Giấy mượn tiền này không thuộc trường hợp là giả tạo hoặc bị ép buộc nên việc giao kết hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn được xem là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, vấn đề mà các bên đang tranh chấp và cần phải làm rõ trong vụ án này là có hay không việc giao nhận tiền sau khi ký Giấy mượn tiền này.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự : ‘‘*Hợp đồng vay tài sản* ***là sự thỏa thuận giữa các bên****, theo đó* ***bên cho vay giao tài sản cho bên vay*** *; khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định’’*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 465 Bộ luật dân sự về nghĩa vụ của bên cho vay : ‘‘*Giao tài sản cho bên vay đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng và thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận’’*

Căn cứ nội dung tại Điều 463 Bộ luật dân sự viện dẫn ở trên thì Hợp đồng vay tài sản trước hết là sự thỏa thuận của các bên và sau khi thỏa thuận xong thì bên cho vay phải thực hiện việc giao tài sản cho bên vay. Như vậy yếu tố *‘Bên cho vay giao tài sản cho bên vay’’* là yếu tố để đánh giá xem các bên đã bước sang giai đoạn thực hiện hợp đồng hay chưa hay mới chỉ dừng lại tại giai đoạn giao kết hợp đồng ; tức là chỉ dừng lại ở ‘*sự thỏa thuận của các bên’’*

Trong vụ án này, nguyên đơn đi khởi kiện về hợp đồng vay tài sản (Là Giấy mượn tiền ngày 20/9/2019) thì ngoài việc chứng minh có sự giao kết hợp đồng hợp pháp, nguyên đơn còn có nghĩa vụ chứng minh về việc giao tài sản cho bên vay, mà cụ thể trong trường hợp này là giao số tiền 740.000.000 đồng là số tiền nợ gốc cho bị đơn. Việc chứng minh này thuộc nghĩa vụ của nguyên đơn khi khởi kiện theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự và là nghĩa vụ của bên cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều 465 Bộ luật dân sự.

Đối chiếu quy định của Luật với nội dung sự thỏa thuận của các bên trong Giấy mượn tiền ngày 20/9/2019 thì không có phần nội dung nào thể hiện rằng sau khi ký Giấy mượn tiền thì bên nguyên đơn có giao tiền cho bị đơn. Bị đơn cũng không thừa nhận việc này, nguyên đơn không cung cấp được thêm chứng cứ nào để chứng minh có việc giao tiền nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 740.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi kèm theo là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đều khai rằng đã giao số tiền trên cho bị đơn tại nhà của bị đơn tại địa chỉ số 66 B, Phường B1, Quận B2; Việc giao tiền được thực hiện một lần, giao toàn bộ số tiền trên cho vợ chồng ông C, bà H.

Để chứng minh không có việc giao tiền này bị đơn cung cấp cho Tòa án Hợp đồng mua bán nhà số 66 B vào ngày 18/12/2018 ; và xác nhận của Công an Phường B1, Quận B2 Thành phố M với nội dung : ‘‘*Ông Nguyễn Ngọc C– Sinh*

năm 1964 cùng vợ là Trần Thị Kim H– Sinh năm 1965 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 66 B Phường B1, Quận B2 nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ trên do bán nhà từ tháng 12/2018''.

Xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng bán nhà mà bị đơn cung cấp, đơn xin xác nhận thường trú và xác nhận của Công an Phường B1, Quận B2 thể hiện tại thời điểm tháng 12/2018 thì bị đơn đã bán căn nhà 66 B và không ở đây nữa. Trong khi đó nguyên đơn lại khai rằng đã giao tiền cho bị đơn vào thời điểm tháng 9/2019 tại căn nhà này nên lời khai của nguyên đơn là không đúng sự thật khách quan nên không được chấp nhận.

[2.3] Về mục đích của số tiền vay : Nguyên đơn khai số tiền cho bị đơn mượn tại thời điểm tháng 9/2019 là để sửa chữa nhà số 66 B, Phường B1, Quận B2. Xét thấy, tại thời điểm này bị đơn đã bán nhà, đã bàn giao nhà cho người khác và không ở đây nữa mà lại mượn tiền của nguyên đơn để sửa chữa lại căn nhà đã bán là một điều vô lý.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận rằng, sau khi ký Giấy mượn tiền ngày 20/9/2019 thì nguyên đơn chưa giao cho bị đơn số tiền nợ gốc là 740.000.000 đồng. Vì nguyên đơn chưa giao tiền, nên chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với số tiền này. Do vậy, Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Vũ Thanh C buộc bị đơn là ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H phải trả số tiền tổng cộng là 965.600.000 đồng trong đó: Nợ gốc: 710.000.000 đồng, nợ lãi kể từ ngày 20/11/2019 tới ngày 31/5/2023 là 255.600.000 đồng.

[3] Xét về ý kiến của bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền là 100.000.000 đồng, là khoản nợ gốc trước đây.

Quá trình nghiên cứu hồ sơ, cũng như diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định rằng trong vụ án này thì việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật. Tuy nhiên, chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra lại không đủ để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thừa nhận của bị đơn để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Số tiền 100.000.000 đồng này nguyên đơn thừa nhận trên cơ sở tự nguyện, cũng không có giấy tờ để chứng minh việc này nhưng Hội đồng xét xử đánh giá vẫn nằm trong quan hệ vay mượn nợ chung của các bên nên có thể được xem xét chấp nhận chung trong vụ án này.

[4]. Về số tiền 250.000.000 triệu trong tờ giấy ông Thanh C ghi nhận tiền của bà H. Số tiền này nguyên đơn cho rằng, đã được giải quyết trong các lần vay mượn nợ trước đây và không liên quan trong vụ án này. Bị đơn thì ý kiến đó thực chất là tiền trả nợ lãi cho nguyên đơn sau khi bị đơn bán nhà xong. Ngoài ra còn rất nhiều khoản không có giấy tờ nữa và tại phiên tòa bị đơn xác định rằng không có ý kiến, hay yêu cầu gì đối với số tiền này, đồng thời cũng không đề nghị cấn trừ nghĩa vụ trả nợ trong vụ án nên Hội đồng xét xử không nhận định, xem xét về số tiền 250.000.000 đồng này.

[5]. Về số tiền 30.000.000 đồng nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất rằng bị đơn đã trả được cho nguyên đơn trong quá trình kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa. Đối với nguyên đơn yêu cầu cấn trừ số tiền 30.000.000 đồng này vào số tiền nợ gốc, còn bị đơn có ý kiến không yêu cầu xem xét, xử lý hay có yêu cầu gì đối với khoản tiền này nữa, chỉ có một đề nghị duy nhất là trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng từ trước.

Xét thấy, như đã phân tích ở trên, Giấy mượn nợ ngày 20/9/2019 của nguyên đơn không phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bị đơn nên không thể cấn trừ số tiền 30.000.000 đồng này vào số tiền nợ gốc theo như yêu cầu của nguyên đơn. Mặt khác vì bị đơn cũng không yêu cầu xem xét, giải quyết, không có yêu cầu cấn trừ số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét và không cấn trừ số tiền này vào khoản tiền bị đơn thừa nhận nợ nguyên đơn do bị đơn không đề nghị, không yêu cầu.

[6] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân Quận B2 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí:

- Ông Lê Vũ Thanh C phải chịu số tiền án phí tương ứng trên phần yêu cầu không được chấp nhận (965.600.000 đồng – 100.000.000 đồng = 865.600.000 đồng) số tiền án phí là : 37.968.000 đồng ; được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là là 17.871.500 đồng ; Ông Lê Vũ Thanh C còn phải nộp thêm số tiền là 20.096.500 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H phải chịu số tiền án phí là 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 468 của Bộ luật Dân sự ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Vũ Thanh C.

Buộc ông Nguyễn Ngọc C và bà Trần Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Vũ Thanh C số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Việc trả tiền được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông Lê Vũ Thanh C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Kim H còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí :

- Ông Lê Vũ Thanh C có nghĩa vụ chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 37.968.000 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng) ; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.871.500 đồng (mười bảy triệu tám trăm bảy mươi mốt ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0014793 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B2, Thành phố M ; Ông Lê Vũ Thanh C còn phải nộp thêm số tiền là 20.096.500 đồng (hai mươi triệu không trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm đồng)

- Ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Vũ Thanh C, Ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP -VKSNDTP;
- VSKND Quận 10;
- Chi cục THA Dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Anh